

Số: ~~492~~/BC-SCT

Quảng Trị, ngày 21 tháng 4 năm 2017

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI THÁNG 4 NĂM 2017

I. Tình hình sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại

1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp

1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp:

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 04/2017 tăng 4,36% so với tháng trước và tăng 12,35% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó: Ngành công nghiệp khai khoáng tăng 5,38%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 12,71%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí tăng 17,65%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,57% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tính chung 4 tháng đầu năm 2017, chỉ số sản xuất công nghiệp đạt mức tăng khá (14,66%) so với cùng kỳ năm trước, cao hơn nhiều so với mức tăng cùng kỳ năm 2016 (tăng 5,83%); Trong đó, đạt mức tăng trưởng cao nhất là ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 30,52% (do các tháng cùng kỳ năm 2016 lượng nước lòng hồ thủy điện không đủ để nhà máy vận hành, sản lượng điện giảm); Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 15,34%; Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,19%. Riêng ngành công nghiệp khai khoáng giảm 11,11% so với cùng kỳ năm trước.

1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu trong tháng 4/2017 duy trì được mức tăng trưởng khá so với tháng cùng kỳ năm trước như: Ván ép tăng 226,05%; lốp xe máy, xe đạp tăng 84,53%; bia dạng lon tăng 42,77%; sản xe máy, xe đạp tăng 40,0%; điện sản xuất tăng 26,27%; phân hóa học tăng 18,16%; nước hoa quả, cam táo tăng 14,76%; tấm lợp Phibro xi măng tăng 13,01%. Một số sản phẩm duy trì mức tăng ổn định như: Tinh bột sắn tăng 3,49%; điện thương phẩm tăng 2,44%; đá xây dựng tăng 0,64%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm chững lại và giảm như: Quặng zircon giảm 31,74%; dầu thông giảm 29,97% so với cùng kỳ năm trước.

2. Lĩnh vực thương mại

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 4/2017 ước đạt 1.972,13 tỷ đồng, tăng 3,59% so với tháng trước và tăng 6,35% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 1.670,22 tỷ đồng, tăng 3,23% so với tháng trước và tăng 5,3% so với tháng cùng kỳ năm trước. Phân theo loại hình kinh tế: Khu vực kinh tế nhà nước ước đạt 135,13 tỷ đồng, tăng 5,3%; khu vực kinh tế cá

thể ước đạt 1.031,2 tỷ đồng, tăng 5,14%; kinh tế tư nhân ước đạt 503,71 tỷ đồng, tăng 2,05% so với cùng kỳ năm trước.

- Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ ước đạt 301,92 tỷ đồng, tăng 5,66% so với tháng trước và tăng 12,52% so với tháng cùng kỳ năm trước. Phân theo ngành kinh tế: Ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 213,84 tỷ đồng, tăng 14,67%; lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch ước đạt 2,12 tỷ đồng, tăng 1,12%; dịch vụ khác ước đạt 85,96 tỷ đồng, tăng 7,78% so với cùng kỳ năm trước.

Cộng dồn bốn tháng đầu năm 2017, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 1.163,7 tỷ đồng, tăng 8,23% so với cùng kỳ năm trước.

II. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương

- Hoàn chỉnh, trình thẩm định Dự thảo Quy định quản lý theo Đồ án quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị đến năm 2035; Hoàn chỉnh Dự thảo Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, giai đoạn 1, tỷ lệ 1/2000.

- Tham mưu UBND tỉnh chủ trương rà soát, điều chỉnh các Quy hoạch phát triển công nghiệp, thương mại tỉnh đến năm 2020; Hoàn chỉnh, trình thẩm định Đề cương, Dự toán bổ sung lập Quy hoạch phát triển điện mặt trời vào Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh giai đoạn 2016 – 2025.

- Phân công các nhiệm vụ, giải pháp triển khai thực hiện nội dung Bản cam kết giữa UBND và Sở Công Thương về nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2017-2020; Hoàn chỉnh dự toán và lập Kế hoạch lựa chọn nhà thầu lập Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất của tỉnh; Chỉ đạo tăng cường công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ trong ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh;

- Làm việc với Đoàn kiểm tra Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tình hình thực hiện Chương trình hành động số 52-CTHĐ/TU ngày 14/8/2012 về định hướng chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng; Tổ chức Đoàn tham quan, học tập kinh nghiệm về phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ và dịch vụ logistic tại các tỉnh phía Nam.

- Tổ chức thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt các Đề án khuyến công tỉnh năm 2017; Đơn đốc lập, bổ sung, điều chỉnh Đề án khuyến công quốc gia năm 2017;

- Tổ chức đoàn kiểm tra, nắm bắt tình hình hoạt động các cụm công nghiệp trên địa bàn các huyện; Tổ chức lấy ý kiến đối với Dự thảo Phương án lộ trình thu tiền sử dụng hạ tầng cụm công nghiệp và Dự thảo Báo cáo đánh giá hiệu quả đầu tư, hoạt động của các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh việc đầu tư mua sắm bổ sung máy phát điện bằng động cơ diezen cấp điện trên đảo Cồn Cỏ; Đơn đốc đẩy nhanh tiến độ xây lắp Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh; Tổ chức họp thống nhất thỏa thuận hướng tuyến đường dây 110kV, 22kV và vị trí TBA 110kV Triệu Phong.

- Khảo sát thực địa và thống nhất bổ sung Quy hoạch dự án thủy điện Đakrông; Tổ chức họp đầu tư xây dựng Dự án nhà máy thủy điện Bản Mới. Chỉ đạo kiện toàn Ban Chỉ đạo bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp cấp huyện.

- Ban hành và triển khai Kế hoạch triển khai Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” năm 2017; Chỉ đạo kiểm tra chống hàng giả tại các Trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng kinh doanh buôn bán sản phẩm có xuất xứ từ Lào, Thái Lan.

- Kiểm tra, hướng dẫn công tác tiêu hủy thuốc lá; Triển khai thực hiện Chỉ thị số 02/CT-BCT ngày 14/3/2017 của Bộ Công Thương về việc tăng cường quản lý an toàn thực phẩm đối với sản xuất, kinh doanh rượu.

- Làm việc với Đoàn công tác liên ngành Trung ương về công tác hỗ trợ, bồi thường thiệt hại do sự cố ô nhiễm môi trường biển gây ra; Rà soát tình hình đầu tư chợ giai đoạn 2011-2017 và tham mưu bố trí vốn đầu tư phát triển chợ nông thôn giai đoạn 2018-2020.

- Tham mưu chuẩn bị nội dung, tổ chức Hội chợ Thương mại và quảng bá Du lịch tỉnh Quảng Trị năm 2017; Kiểm tra giám sát tổ chức Hội chợ Triển lãm trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn thiện, trình phê duyệt các Đề án thuộc Chương trình phát triển thương mại điện tử Quốc gia năm 2017; Phối hợp các ngành đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong nhập khẩu gỗ từ Lào.

- Chuẩn bị nội dung, làm việc với Đoàn công tác Bộ Công Thương về tình hình hoạt động thương mại biên giới trên địa bàn tỉnh; Làm việc với Trung tâm Thông tin Thương mại & Công nghiệp về công tác về hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh.

- Phối hợp tham mưu trả lời ý kiến cử tri theo chỉ đạo UBND tỉnh tại Công văn số 439/UBND-TH ngày 15/02/2017 và Báo cáo số 504/BC-HĐND ngày 11/12/2016.

- Chuẩn bị nội dung, tổ chức Hội nghị lấy phiếu tín nhiệm bổ nhiệm lại chức vụ Giám đốc Sở; Tham mưu UBND tỉnh ban hành Bộ thủ tục hành chính đã chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết tại UBND cấp huyện, cấp xã trên lĩnh vực Công Thương.

- Bổ sung, điều chỉnh một số nội dung chương trình công tác trọng tâm năm 2017; Triển khai thực hiện các nội dung tại thông báo kết luận của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Chuẩn bị nội dung làm việc với các huyện về triển khai nhiệm vụ kế hoạch phát triển công nghiệp - thương mại năm 2017.

- Làm việc Sở Tài chính về quyết toán các nguồn kinh phí chi thường xuyên, các ban chỉ đạo; Đề xuất UBND tỉnh bố trí kinh phí ngoài kế hoạch cho Đoàn công tác Bộ Công Thương.

IV. Một số công tác trọng tâm tháng 5 năm 2017

- Hoàn chỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt Quy định quản lý theo Đồ án quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị đến năm 2035; Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy định quản lý theo Đồ án quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị đến năm 2035.

- Tham mưu hỗ trợ giải quyết thủ tục Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trị 1 và các dự án trọng điểm của tỉnh thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương.

- Phối hợp lập Kế hoạch ứng phó sự cố hóa chất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và các Đề tài khoa học công nghệ được UBND giao. ||

- Hoàn chỉnh và tổ chức lấy ý kiến đối với Dự thảo Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh; Khảo sát, đánh giá thực trạng phát triển ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo triển khai các Đề án khuyến công tỉnh năm 2017; Thẩm định bổ sung các đề án khuyến công quốc gia đợt 2, năm 2017.

- Tiếp tục thực hiện gói thầu 3 thuộc Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2015-2020; Tổ chức làm việc với Điện lực Quảng Trị về công tác vận hành, cung ứng, đảm bảo an toàn điện trên địa bàn tỉnh năm 2017.

- Tham mưu kêu gọi đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thương mại dịch vụ theo hình thức xã hội hóa; Tham mưu bố trí vốn đầu tư phát triển chợ nông thôn mới, chợ an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với việc thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” đã được phê duyệt; Triển khai thực hiện Đề án Quy hoạch phát triển hệ thống kho hàng hóa tại các cửa khẩu khu vực biên giới Việt Nam – Lào.

- Tham mưu UBND tỉnh đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoàn thiện kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp của tỉnh; Đề xuất Phương án lộ trình thu phí sử dụng hạ tầng cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn các đơn vị lập hồ sơ tham gia bình chọn Sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu quốc gia năm 2017; Lựa chọn, đề xuất sản phẩm tham gia Chương trình “Tôn vinh sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu quốc gia”.

- Phối hợp tham mưu trả lời ý kiến cử tri theo chỉ đạo UBND tỉnh tại Công văn số 439/UBND-TH ngày 15/02/2017 và Báo cáo số 504/BC-HĐND ngày 11/12/2016; Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về kinh doanh xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng; kiểm tra quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp tại các đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn chỉnh, ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các phòng thuộc Sở theo Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 29/8/2016 của UBND tỉnh; Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ công tác cải cách hành chính năm 2017.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp, thương mại và công tác quản lý nhà nước của Sở trong tháng 4 năm 2017 và triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm trong tháng 5 năm 2017; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CNĐP, Vụ KH-BCT;
- VP Tỉnh ủy; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- Sở CT các tỉnh Bắc Trung bộ, miền Trung và Tây Nguyên;
- Sở KH & ĐT, Cục Thống kê;
- Phòng Kinh tế- Hạ tầng các huyện, thị, thành phố;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các Phòng thuộc Sở, TTKC, Chi cục QLTT;
- Lưu: VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC *[Chữ ký]*



Nguyễn Hữu Hưng

BÁO CÁO THÔNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI
Tháng 4 năm 2017

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm báo cáo | | | Năm trước | | Tỷ lệ (%) | | |
|-----|---|---------------------|-----------------------|------------------------|--|-------------------------|--|------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
| | | | Thực hiện tháng trước | Ước tính tháng báo cáo | Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo | Thực hiện tháng báo cáo | Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo | So với thực hiện tháng trước | So với thực hiện cùng kỳ năm trước | So với cộng dồn cùng kỳ năm trước |
| A | B | C | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=2/1 | 7=2/4 | 8=3/5 |
| I | Sản lượng một số SP công nghiệp chủ yếu | Sản phẩm | | | | | | | | |
| 1 | Quặng zircon | Tấn | 130,88 | 219,78 | 783,63 | 321,98 | 1421,98 | 167,93% | 68,26% | 55,11% |
| 2 | Đá xây dựng | m ³ | 65937 | 69000 | 265557 | 68558 | 254878 | 104,65% | 100,64% | 104,19% |
| 3 | Tinh bột sắn | Tấn | 11718,87 | 12264,15 | 47535,85 | 11850,94 | 41954,72 | 104,65% | 103,49% | 113,30% |
| 4 | Bia dạng lon | 1000 lít | 2041,35 | 2080 | 5951 | 1457 | 3811 | 101,89% | 142,77% | 156,14% |
| 5 | Nước hoa quả (nước tăng lực) | 1000 lít | 1073,7 | 980 | 3965 | 854 | 3837 | 91,27% | 114,76% | 103,33% |
| 6 | Ván ép (gỗ MDF) | m ³ | 18054 | 20000 | 66094 | 6134 | 24967 | 110,78% | 326,05% | 264,73% |
| 7 | Dầu thông | Tấn | 74 | 100 | 342 | 143 | 384 | 135,14% | 70,03% | 89,18% |
| 8 | Phân hóa học | Tấn | 3102 | 3000 | 13269 | 2539 | 11747 | 96,71% | 118,16% | 112,96% |
| 9 | Lốp xe máy, xe đạp | 1000 cái | 188,16 | 220 | 642 | 119,22 | 504,21 | 116,92% | 184,53% | 127,29% |
| 10 | Săm xe máy, xe đạp | 1000 cái | 420,20 | 450 | 1393 | 321,44 | 1176,29 | 107,09% | 140,00% | 118,46% |
| 11 | Tấm lợp pro xi măng | 1000 m ² | 576 | 568 | 1912 | 503 | 1696 | 98,53% | 113,01% | 112,70% |
| 12 | Điện sản xuất | Triệu Kwh | 29,40 | 32,75 | 132,56 | 25,93 | 88,98 | 111,40% | 126,27% | 148,98% |
| 13 | Điện Thương phẩm | Triệu Kwh | 39,99 | 42,00 | 165,64 | 41,00 | 163,39 | 105,03% | 102,44% | 101,38% |
| 14 | Nước máy | 1000 m ³ | 811,33 | 950,00 | 3651,07 | 924,00 | 3429,54 | 117,09% | 102,81% | 106,46% |
| II | Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu hoạt động dịch vụ | Tỷ đồng | 1903,72 | 1972,13 | 7910,31 | 1854,43 | 7308,57 | 103,59% | 106,35% | 108,23% |
| 1 | Tổng mức bán lẻ hàng hóa | Tỷ đồng | 1617,97 | 1670,22 | 6746,61 | 1586,10 | 6270,12 | 103,23% | 105,30% | 107,60% |
| | Phân theo loại hình kinh tế | Tỷ đồng | | | | | | | | |
| 1.1 | Kinh tế Nhà nước | " | 134,60 | 135,13 | 491,98 | 111,57 | 397,14 | 100,40% | 121,12% | 123,88% |

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm báo cáo | | | Năm trước | | Tỷ lệ (%) | | |
|-----|--|-------------|-----------------------|------------------------|--|-------------------------|--|------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
| | | | Thực hiện tháng trước | Ước tính tháng báo cáo | Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo | Thực hiện tháng báo cáo | Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo | So với thực hiện tháng trước | So với thực hiện cùng kỳ năm trước | So với cộng dồn cùng kỳ năm trước |
| A | B | C | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=2/1 | 7=2/4 | 8=3/5 |
| 1,2 | Kinh tế Tập thể | " | 0,14 | 0,18 | 0,48 | 0,16 | 0,41 | 128,57% | 115,71% | 116,58% |
| 1,3 | Kinh tế Cá thể | " | 1001,91 | 1031,20 | 4174,58 | 980,79 | 3880,44 | 102,92% | 105,14% | 107,58% |
| 1,4 | Kinh tế Tư nhân | " | 481,32 | 503,71 | 2079,58 | 493,59 | 1992,13 | 104,65% | 102,05% | 104,39% |
| 1,5 | Kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài | " | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 2 | Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ | | 285,76 | 301,92 | 1163,70 | 268,33 | 1038,46 | 105,66% | 112,52% | 112,06% |
| 2,1 | Doanh thu hoạt động dịch vụ (Lưu trú, ăn uống, lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch) | Tỷ đồng | 203,77 | 215,95 | 821,21 | 188,57 | 727,45 | 105,98% | 114,52% | 112,89% |
| | Dịch vụ lưu trú và ăn uống | | 201,83 | 213,84 | 814,37 | 186,48 | 721,18 | 105,95% | 114,67% | 112,92% |
| | Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch | " | 1,94 | 2,12 | 6,85 | 2,09 | 6,27 | 109,13% | 101,23% | 109,32% |
| 2,2 | Doanh thu hoạt động dịch vụ khác | " | 81,98 | 85,96 | 342,48 | 79,76 | 311,01 | 104,85% | 107,78% | 110,12% |



CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP
Tháng 4/2017

Đơn vị: %

| Tên ngành | Chính thức tháng 3/2017 | | Tháng 4/2017 | | | Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 4/2017 so với tháng 4/2016 |
|---|---------------------------------|--------------------------|---------------------------------|---------------------|---------------------|--|
| | So với tháng bình quân năm 2010 | So với tháng 01 năm 2016 | So với tháng bình quân năm 2010 | So với tháng 3/2017 | So với tháng 4/2016 | |
| A | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| Toàn ngành | 219,88 | 116,93 | 228,90 | 104,36 | 112,35 | 114,66 |
| 1. Công nghiệp khai khoáng | 45,75 | 81,97 | 52,71 | 114,59 | 105,38 | 88,89 |
| 2. Công nghiệp chế biến, chế tạo | 263,43 | 114,54 | 272,72 | 102,19 | 112,71 | 115,34 |
| 3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí | 61,75 | 163,58 | 67,30 | 109,26 | 117,56 | 130,52 |
| 4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải | 120,47 | 100,39 | 139,65 | 115,92 | 102,57 | 106,19 |